

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ TỈNH BÌNH PHƯỚC  
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ  
THỊ XÃ CHƠN THÀNH  
Số: 2000/PCTTĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 31 tháng 1 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN  
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT**

1.1. Tên người sử dụng đất:

**Ông: Nguyễn Văn Dần** Năm sinh: 1982 CCCD số: 070082005653

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**Bà: Hà Thị Liễu** Năm sinh: 1983 CCCD số: 285616437

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển mục đích sử dụng đất

1.5. Biên nhận số: **000.00.70.H10-240123-0017.**

**II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẦN LIỀN VỚI ĐẤT**

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 141 , Tờ bản đồ số: 74

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất.

\* Khu vực: 1(một)

- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường:

+ Đường Thành Thái. Đoạn từ Ngã ba ranh giới khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 91 64 tờ bản đồ số 65)

+Phạm vi 1(một): 50m<sup>2</sup>;

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư: Vị trí: 1(một):

+ Ngoài phạm vi khu dân cư:

2.1.4 Diện tích thửa đất: 245,2 m<sup>2</sup>

-Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 245,2 m<sup>2</sup>,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 50m<sup>2</sup>

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m<sup>2</sup>

- Diện tích đất trong hạn mức: m<sup>2</sup>

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 50 m<sup>2</sup>

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 50m<sup>2</sup>

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển mục đích sử dụng đất

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 100m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu năm 145,2m<sup>2</sup>,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: CLN

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 15/10/2043,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:
- Hình thức sau khi chuyển:

#### 2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;  
Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Căn cứ quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước;  
Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước;

- Giá đất cụ thể:
- Giá trung đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

#### 2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình: .....; cấp hạng nhà ở, công trình: .....
- 2.2.2. Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung: .....m<sup>2</sup>; Diện tích sở hữu riêng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.5. Kết cấu: .....; Số tầng nổi: .....; Số tầng hầm: .....
- 2.2.6. Nguồn gốc: .....
- 2.2.7. Năm hoàn công: .....năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến: .....năm

### **III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIÊN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT**

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển, nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):

3.1.1. Loại biến động:

3.1.2. Loại tài sản biến động:

3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

3.2.1. Đối tượng ghi nợ:

3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:

3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính

3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:

3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:

Tên của khoản được trừ:

### **IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO**

- Cam kết không chọn thừa đất trong hạn mức đất ở.

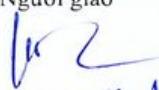
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính<sup>2</sup>;

- Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND thị xã Chơn Thành.

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Nam

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ (Trước hạn/dúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: 2. Nhận:	<u>15</u> giờ <u>00</u> phút, ngày <u>31</u> tháng <u>01</u> năm <u>20</u> ...			
	Người giao  <u>Nguyễn Thị Thúy Nga</u>	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận:	<u>08</u> giờ <u>00</u> phút, ngày <u>01</u> tháng <u>05</u> năm <u>20</u> ...			
	Người giao  <u>Nguyễn Thị Mỹ Nguyễn Thị Thúy Nga</u>	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận:	..... giờ ..... phút, ngày <u>04</u> tháng <u>5</u> năm <u>20</u> .....			
	Người giao  <u>Nguyễn Thị Thúy Nga</u>	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận:	..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....			
	Người giao	Người nhận		